ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH

Ôn hè tiếng Anh B1 (mức cơ bản)

15 câu · Thời gian gợi ý: 25 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... **Ngày:** ...../...../.....

Điểm

Câu 1. *Put the words in order.*

had	you	would	have	me,	I	if	helped	asked	you

Viết lại câu cho đúng:

.....

Câu 2. *Write the missing word(s).*

Stop _____ (talk), please! The film is starting.

Câu 3. *Find the mistake and fix it.*

The referee of our team gives us advice before every match.

Gạch chân chỗ sai rồi viết lại cả câu cho đúng:

.....

Câu 4. *Put the letters in order to make a word.*

two slices of bread with food inside

a	n	d	s	h	c	i	w

Viết lại câu bằng các từ trong khung:

.....

Câu 5. *Which sentence is correct?*

A. We having the house painted last year.

B. We will have the house painted last year.

C. We have the house painted last year.

D. We had the house painted last year.

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 6. *Match each sentence with its reply.*

Congratulations!	Not at all.
I'm sorry to hear that.	Thanks. I'm so happy.
Good luck with your exam!	Thanks. I'll need it.
Thanks a lot for your help.	Thanks. I'll be fine.

Câu 7. *Put the words in order.*

very | I | can | well | swim

Viết lại câu cho đúng:

.....

Câu 8. *Choose the correct answer.*

Can you give me some ☐_ about which course to choose?

A. advices B. advised C. advice D. advise

Câu 9. *Write the missing word(s).*

Dad _____ (be going to / paint) the gate this weekend.

Câu 10. *Put the words in order.*

outside | friends | for | waiting | my | me | were

Viết lại câu cho đúng:

.....

Câu 11. *Choose the correct answer.*

I've bought some flour and eggs because I ☐_ make a cake this afternoon.

A. am going to B. will to

C. are going to D. going to

Câu 12. *Put the words in order.*

every | the | plays | evening | she | piano

Viết lại câu cho đúng:

.....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 13. *Choose the correct answer.*

I ☐_ go to the dentist yesterday.

A. had to B. have to C. should D. must

Câu 14. *Which sentence is correct?*

A. Mum made us clean our room.
B. Mum made us cleaning our room.
C. Mum made us to clean our room.
D. Mum made us cleaned our room.

Câu 15. *Choose the correct answer.*

It's getting ☐_ to find a parking space in Hanoi.

A. more and more harder
B. hard and hard
C. harder and harder
D. hardest and hardest

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề EN-OHB1-15-D-79442 · Ôn hè tiếng Anh B1 (mức cơ bản)

Câu 1: If you had asked me, I would have helped you. · Unit 29 · Third conditional
Điều kiện loại 3 (không có thật trong quá khứ).

Câu 2: Stop talking, please! The film is starting. · Unit 37 · Gerund & infinitive
stop + V-ing = ngừng làm việc đó.

Câu 3: The coach of our team gives us advice before every match. · Unit 3 · Fun and games (Vocabulary)
coach = huấn luyện viên; referee = trọng tài.

Câu 4: sandwich · In context · Hội thoại, nối, đoạn văn
sandwich = bánh mì kẹp.

Câu 5: D. We had the house painted last year. · Unit 41 · The causative
Có last year → quá khứ: had.

Câu 6: Congratulations! → Thanks. I'm so happy. · I'm sorry to hear that. → Thanks. I'll be fine. · Good luck with your exam! → Thanks. I'll need it. · Thanks a lot for your help. → Not at all. · In context · Hội thoại, nối, đoạn văn
Chúc mừng, chia buồn, chúc may mắn và cảm ơn đều có cách đáp riêng.

Câu 7: I can swim very well. · Can / could / may
Chủ ngữ + can + V + very well.

Câu 8: C. advice · Unit 42 · Problems and solutions (Vocabulary)
advice = lời khuyên (không đếm được).

Câu 9: Dad is going to paint the gate this weekend. · Be going to
Chủ ngữ "Dad" số ít → is going to paint.

Câu 10: My friends were waiting for me outside. · Past continuous
Chủ ngữ + were waiting for + tân ngữ + nơi chốn.

Câu 11: A. am going to · Will / be going to
Kế hoạch đã chuẩn bị (đã mua bột, trứng) → I am going to.

Câu 12: She plays the piano every evening. · Articles & some / any
play the + nhạc cụ; trạng từ thời gian ở cuối (hoặc đầu) câu.

Câu 13: A. had to · Unit 19–20 · Modals
must không có dạng quá khứ → dùng had to.

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 14: **A. Mum made us clean our room.** · Verb + to V / V-ing

make somebody + V nguyên mẫu: made us clean.

Câu 15: **C. harder and harder** · Comparatives & superlatives

"Ngày càng ..." với tính từ ngắn: tính từ-er and tính từ-er → harder and harder.

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký